

TÍNH ĐỘC LẬP CỦA KIỂM SÁT VIÊN TRONG TỔ TỤNG HÌNH SỰ

*Trình Minh Tân**

Viện kiểm sát nhân dân nằm trong hệ thống các cơ quan tư pháp, có chức năng và nhiệm vụ theo Hiến pháp qui định. Đó là *thực hành quyền công tố và kiểm sát các hoạt động tư pháp*. Bộ luật Tố tụng Hình sự (TTHS) năm 2003 đã cụ thể hóa các chức năng trên bằng việc quy định nhiệm vụ, quyền hạn và trách nhiệm của người tiến hành tố tụng. Khác với Bộ luật Tố tụng Hình sự năm 1988, Bộ luật TTHS năm 2003 quy định cụ thể người tiến hành tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng Viện kiểm sát là Viện trưởng, Phó viện trưởng và Kiểm sát viên.

Ba loại chức danh trên là những thành tố cấu thành hoạt động của Cơ quan tiến hành tố tụng là Viện kiểm sát, thiếu một trong các hoạt động của Viện trưởng (hoặc Phó viện trưởng được Viện trưởng ủy nhiệm), Kiểm sát viên thì chức năng thực hành quyền công tố và kiểm sát các hoạt động tư pháp trong tố tụng hình sự của Viện kiểm sát cũng không thực hiện được. Căn cứ quyền hạn, nhiệm vụ và trách nhiệm của Viện trưởng (hoặc Phó viện trưởng được Viện trưởng ủy nhiệm) thì Viện trưởng không “bao đồng” làm thay công việc của Kiểm sát viên, và Kiểm sát viên cũng không thể được ủy quyền làm những công việc thuộc thẩm quyền của Viện trưởng, vì chủ thể tiến hành tố tụng được làm thay Viện trưởng chỉ có thể là Phó Viện trưởng được Viện trưởng ủy nhiệm!

Viện kiểm sát nhân dân có hệ thống tổ chức mang tính đặc thù, Viện trưởng Viện kiểm sát là người tiến hành tố tụng, đồng thời là người đứng đầu cơ quan, quản lý và điều hành mọi hoạt động của Viện kiểm sát. Tuy nhiên, không nên nhầm lẫn giữa công tác lãnh đạo, quản lý hành chính trong nội bộ Viện kiểm sát với công tác chỉ đạo nghiệp vụ và thực hành quyền công tố trong những vụ án cụ thể được thực hiện theo nguyên tắc thủ trưởng.

Trong chỉ đạo nghiệp vụ, Viện trưởng ra quyết định phân công Kiểm sát viên thực hành quyền công tố và kiểm sát điều tra, thực hành quyền công tố - kiểm sát xét xử và có trách nhiệm giám sát các hoạt động và chỉ đạo kịp thời những vấn đề về nghiệp vụ đối với Kiểm sát viên, đồng thời chịu trách nhiệm trước pháp luật về các quyết định của mình. Nói như vậy không có nghĩa là Kiểm sát viên thụ động trong hoạt động tác nghiệp. Trái lại, tính độc lập của Kiểm sát viên trong khi thực hành quyền công tố - kiểm sát điều tra, thực hành quyền công tố - kiểm sát xét xử hình sự đã được thể hiện trong các quy định tại Bộ luật Tố tụng Hình sự và Pháp lệnh Kiểm sát viên năm 2002. “Trong phạm vi công tác được giao, Kiểm sát viên có quyền ra quyết định, kiến nghị, kháng nghị yêu cầu theo quy định của pháp luật, trừ những việc thuộc thẩm quyền của Viện trưởng”.

Tính độc lập của Kiểm sát viên phải được đảm bảo trong suốt quá trình tố tụng. Vì là người trực tiếp thụ lý vụ án, Kiểm sát viên phải thường xuyên tác động vào quá trình điều tra trong giai đoạn điều tra, tích cực và chủ động trong việc đánh giá, phân loại chứng cứ trong giai đoạn truy tố để ra được một bản cáo trạng hàm chứa nội dung pháp lý hình sự, có tính thuyết phục cao và đảm bảo tính chủ động khi thực hành quyền công tố tại phiên tòa mà trọng tâm là sự buộc tội.

Tính độc lập của Kiểm sát viên là quyền chủ động tiến hành các hoạt động tác nghiệp nằm trong khuôn khổ quy định của pháp luật về quyền hạn, nghĩa vụ và trách nhiệm của Kiểm sát viên trong các giai đoạn của tố tụng hình sự. Tính độc lập của Kiểm sát viên trong tố tụng hình sự được thể hiện ở các giai đoạn khác nhau của quá trình tố tụng. Đó là: tính độc lập trong giai đoạn điều tra, truy tố; tính độc lập trong giai đoạn xét xử. Trong bài viết này, chúng tôi xin đề cập đến:

* Ủy ban Kiểm tra Trung ương

Tính độc lập của Kiểm sát viên trong giai đoạn điều tra, truy tố

Là người tiến hành tố tụng, Kiểm sát viên do Viện trưởng phân công thực hành quyền công tố - kiểm sát điều tra, Kiểm sát viên phải chịu sự chỉ đạo, kiểm tra, giám sát của Viện trưởng.

Vậy trong mối quan hệ với Viện trưởng, hoạt động tác nghiệp của Kiểm sát viên có đảm bảo tính độc lập không?

Việc Kiểm sát viên chịu sự chỉ đạo, điều hành của Viện trưởng trong khi thực hành quyền công tố - kiểm sát điều tra là thực hiện *nguyên tắc thủ trưởng* và Viện trưởng là người chịu trách nhiệm trước pháp luật về việc thực hiện chức năng của Viện kiểm sát. Do đó trong giai đoạn này, tính độc lập của Kiểm sát viên phải đặt trong mối quan hệ trên dưới giữa Viện trưởng với Kiểm sát viên.

Trong giai đoạn điều tra và truy tố, luật quy định Kiểm sát viên được phân công thực hành quyền công tố và kiểm sát việc tuân theo pháp luật trong hoạt động tố tụng hình sự có các nhiệm vụ, quyền hạn và trách nhiệm là kiểm sát việc khởi tố, kiểm sát các hoạt động điều tra và việc lập hồ sơ vụ án của cơ quan điều tra; đề ra các yêu cầu về điều tra; triệu tập và hỏi cung bị can; triệu tập và lấy lời khai của người làm chứng, người bị hại, nguyên đơn dân sự, bị đơn dân sự, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đến vụ án.

Như vậy mặc nhiên Kiểm sát viên có thể thực hiện các quyền này mà không cần phải có sự chỉ đạo của Viện trưởng. Quy định này đảm bảo cho Kiểm sát viên luôn ở trạng thái chủ động trong việc thực hiện chức năng của Viện kiểm sát. Tuy nhiên, tính độc lập của Kiểm sát viên trong mối quan hệ này chỉ mang tính chất tương đối, vì Kiểm sát viên phải báo cáo với Viện trưởng về diễn biến của quá trình tiến hành tố tụng và chịu sự chỉ đạo trở lại của Viện trưởng.

1. Kiểm sát việc khởi tố, kiểm sát các hoạt động điều tra và việc lập hồ sơ vụ án của cơ quan điều tra

Các cơ quan điều tra phải ra quyết định khởi tố vụ án hình sự khi xác định có dấu hiệu tội phạm; khởi tố bị can khi xác định một người đã thực hiện hành vi phạm tội. Kiểm sát

viên là người trực tiếp thực hiện quyền kiểm sát việc khởi tố. Khi thực hiện quyền này, Kiểm sát viên không cần phải có sự đồng ý của Viện trưởng, nhưng khi phát hiện việc khởi tố thiếu một trong số các căn cứ quy định tại Điều 100 Bộ luật Tố tụng Hình sự, hoặc chưa đủ căn cứ xác định người bị Cơ quan điều tra khởi tố là người đã thực hiện hành vi phạm tội thì Kiểm sát viên phải báo cáo và đề xuất với Viện trưởng để ra các quyết định thuộc thẩm quyền của Viện trưởng được quy định tại Điều 36 Bộ luật Tố tụng Hình sự.

Đối với các hoạt động điều tra và việc lập hồ sơ vụ án của Cơ quan điều tra, Kiểm sát viên chủ động bám sát qui trình điều tra, đọc hồ sơ điều tra để chủ động trao đổi với điều tra viên thực hiện đúng các bước điều tra, thu thập chứng cứ và việc lập hồ sơ điều tra phải theo trật tự về thời gian; hình thức các văn bản tố tụng và nội dung của các văn bản này phải theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng Hình sự.

2. Kiểm sát viên đề ra các yêu cầu về điều tra

Trong quá trình điều tra, Kiểm sát viên luôn chủ động tác động đến tiến trình điều tra vụ án, thu thập chứng cứ để chứng minh tội phạm. Khi cần đề ra các yêu cầu về điều tra, Kiểm sát viên tự mình quyết định những nội dung cần yêu cầu điều tra. Yêu cầu về điều tra là một trong số các quyền của Viện kiểm sát mà người trực tiếp thực hiện quyền này là Kiểm sát viên. Khi thực hiện quyền này, Kiểm sát viên không cần phải có sự ủy quyền của Viện trưởng (không có chế định ủy quyền trong Bộ luật Tố tụng Hình sự).

Việc đề ra các yêu cầu về điều tra tác động trực tiếp đến hướng điều tra của điều tra viên và nội dung, chứng cứ cần thu thập trong quá trình điều tra tìm ra sự thật khách quan của vụ án. Chỉ có Điều tra viên và Kiểm sát viên mới có thể biết được cụ thể những vấn đề cần điều tra, những chi tiết cần phải thu thập để chứng minh tội phạm hoặc loại bỏ sự nghi ngờ một người phạm tội. Tuy nhiên, định hướng điều tra và tư duy pháp lý của Điều tra viên không phải lúc nào cũng sát với thực tiễn của vụ án. Do đó Kiểm sát viên là người kiểm tra và giám sát các hoạt động điều tra có tư duy

pháp lý và nhìn nhận sự việc một cách khách quan hơn, đồng thời Kiểm sát viên là người chịu trách nhiệm về các chứng cứ chứng minh tội phạm, nên khi cần thiết họ phải đề ra được các yêu cầu về điều tra nhằm đảm bảo thu thập các chứng cứ xác thực để chứng minh tội phạm. Để làm được việc này, Kiểm sát viên phải theo sát quá trình điều tra, hợp tác chặt chẽ với Điều tra viên, kể cả khi Điều tra viên hỏi cung bị can cũng như khi đến hiện trường nơi xảy ra vụ án, kiểm tra vật chứng...

Trên thực tế không có một khuôn mẫu cụ thể nào quy định Kiểm sát viên phải hoạt động như thế nào để cố gắng tìm ra những vấn đề cần yêu cầu điều tra. Đề ra các yêu cầu điều tra là một trong những kỹ năng tác nghiệp của Kiểm sát viên, kỹ năng này có được thực hành tốt hay không là tùy thuộc vào sự nhạy cảm, bản lĩnh nghề nghiệp, tư duy phán đoán và niềm tin nội tâm của Kiểm sát viên. Đó là một trong những biểu hiện của tính độc lập của Kiểm sát viên trong khi thực hành quyền công tố và kiểm sát điều tra.

3. Triệu tập và hỏi cung bị can; triệu tập và lấy lời khai của người làm chứng, người bị hại, nguyên đơn dân sự, bị đơn dân sự, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án

Luật không qui định cụ thể Kiểm sát viên thực hiện các quyền trên ở giai đoạn nào, giai đoạn điều tra hay trong thời hạn quyết định truy tố. Việc luật qui định như trên là xác định rõ nhiệm vụ và quyền hạn của Kiểm sát viên trong việc tìm ra các chứng cứ chứng minh tội phạm. Tuy nhiên trên thực tế trong giai đoạn điều tra, Kiểm sát viên ít khi thực hiện quyền này mà thường thực hiện ở giai đoạn sau khi có kết luận điều tra và cơ quan điều tra chuyển hồ sơ qua Viện kiểm sát để đề nghị truy tố. Chỉ khi nào thấy cần thiết, Kiểm sát viên mới thực hiện các qui định này.

Triệu tập là một loại văn bản tố tụng có tính mệnh lệnh, buộc các đối tượng được triệu tập phải có mặt để làm việc với Kiểm sát viên. Theo luật định, Kiểm sát viên có quyền ban hành giấy triệu tập và chịu trách nhiệm trước Viện trưởng và pháp luật về việc tiếp xúc với các đối tượng ghi trong giấy triệu tập. Mục đích là yêu cầu các đối tượng cung cấp các nội dung liên quan đến vụ án, nhằm làm sáng

tỏ các tình tiết mà điều tra viên chưa làm rõ hoặc chưa có điều kiện làm rõ (như hết hạn điều tra).

Triệu tập và hỏi cung bị can: về nguyên tắc, khi nhận được giấy triệu tập của Kiểm sát viên, bị can phải có mặt để trả lời những câu hỏi do Kiểm sát viên đặt ra.

Có hai đối tượng bị can là bị can bị tạm giam và bị can không bị tạm giam. Do đó khi triệu tập bị can Kiểm sát viên phải xác định đó là bị can bị tạm giam hoặc không bị tạm giam để gửi giấy triệu tập. Đối với bị can không bị tạm giam, Kiểm sát viên gửi giấy triệu tập thông qua chính quyền địa phương (công an xã, phường) hoặc trực tiếp hoặc qua đường bưu điện. Đối với bị can bị tạm giam, về mặt lý thuyết, khi có giấy triệu tập gửi tới nhà tạm giam thì cơ quan quản lý trại tạm giam phải đưa bị can tới Viện kiểm sát để Kiểm sát viên tiến hành hỏi cung. Tuy nhiên, trên thực tế, Kiểm sát viên thường đến nơi tạm giam, tạm giữ để tiến hành hỏi cung. Thực tế này xuất phát từ chỗ cơ sở vật chất của Viện kiểm sát còn thiếu thốn và không có những biện pháp phối kết hợp đồng bộ với Trại tạm giam. Đây cũng là một nhược điểm làm hạn chế khả năng tác nghiệp độc lập của Kiểm sát viên.

Trước khi tiến hành hỏi cung, Kiểm sát viên chuẩn bị những câu hỏi hướng tới mục đích là làm rõ những vấn đề mà trong quá trình điều tra chưa được làm rõ nhằm củng cố chứng cứ buộc tội, hoặc cả những chứng cứ gỡ tội để đề xuất hướng xử lý đối với vụ án và bị can, khi cần thiết thì trao đổi, tranh luận với Điều tra viên về những vấn đề cần tiến hành hỏi cung, nhưng Kiểm sát viên không phụ thuộc vào bất cứ áp lực nào khi tiến hành hỏi cung.

Việc triệu tập và lấy lời khai của người làm chứng, người bị hại, nguyên đơn dân sự, bị đơn dân sự, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án cũng được Kiểm sát viên thực hiện với phương châm đảm bảo tính chân thực, khách quan. Khi thực hiện thao tác nghiệp vụ này, Kiểm sát viên tiến hành hoàn toàn độc lập và chỉ chịu trách nhiệm trước Viện trưởng và pháp luật.

Triệu tập và hỏi cung bị can; triệu tập và lấy lời khai của người làm chứng, người bị hại,

(Xem tiếp trang 79)

Bốn là, THPT và hành vi phạm tội được phản ánh thông qua cái gì, tức là căn cứ vào đâu để có thể nhận biết về chúng?

Đối với "cái chung", tức là đối với THPT, thì việc nhận thức được thực hiện thông qua những đặc điểm định lượng và định tính của nó, cụ thể là thông qua "mức độ" (tình trạng), diễn biến (động thái), cơ cấu và tính chất của tình hình tội phạm ở các đơn vị khác nhau, từ tổng quan, nhóm, cho đến đơn vị là hành vi phạm tội trên các phạm vi khác nhau như toàn quốc, thành phố, tỉnh hoặc huyện, theo các đơn vị thời gian nhất định. Bằng cách tiếp cận THPT như vậy, tội phạm học Việt Nam đã tiến thêm một bước mới so với nhiều nước khác, tức là không chỉ tìm ra các thông số phản ánh về tình trạng phạm tội như cơ sở tội phạm, các khuynh hướng và xu hướng phạm tội..., mà còn tìm ra các phạm trù mới như tình hình tội danh; cơ sở tội danh; cơ cấu dự liệu của THPT; cơ sở hành vi phạm tội; tỉ lệ phạm tội; cấp độ nguy hiểm ở từng nhóm và ở từng tội danh trong THPT do từng loại người phạm tội gây ra... Đó là những đặc điểm để nhận biết về THPT nói chung hay tình hình của một tội riêng biệt nào đó. Đồng thời đó cũng là những nội dung quan trọng do Tội phạm học nghiên cứu và yêu cầu tổ chức triển khai những hoạt động thực tiễn nhằm bảo đảm cung cấp các số liệu phản ánh về các đặc điểm đó. Và đến lượt nó, các đặc điểm này là cơ sở cho việc hoạch định kế hoạch, chương trình phòng chống tội phạm, cho việc định hình cụ thể chính sách hình sự ở mỗi giai đoạn và là cơ sở cho việc bổ sung, sửa đổi pháp luật hình sự ở mỗi thời kỳ.

(Tiếp theo trang 72 – Tính độc lập ...)

nguyên đơn dân sự, bị đơn dân sự, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án là các hoạt động tố tụng mà Kiểm sát viên được phép tiến hành nhằm đảm bảo cho việc xử lý vụ án một cách khách quan, đúng đắn, không làm oan cũng như không để lọt tội phạm.

Trong giai đoạn điều tra, truy tố, Kiểm sát viên có vai trò rất quan trọng trong việc thu thập chứng cứ, đánh giá chứng cứ nhằm đảm bảo cho việc xử lý đúng đắn vụ án. Chính vì vậy, luật đã qui định rất cụ thể nhiệm vụ,

Còn đối với hành vi phạm tội, cơ sở để nhận thức nó là gì?

Ở đây cần phải khẳng định ngay rằng, việc đưa ra những cơ sở để nhận thức một hành vi phạm tội không phải là nhiệm vụ trước hết của tội phạm học. Đây là nhiệm vụ trước hết của khoa học luật hình sự và nó đã được giải quyết rồi. Khoa học luật hình sự đã chỉ ra bốn cơ sở để nhận thức một tội phạm là khách thể, chủ thể, mặt khách quan, mặt chủ quan của tội phạm. Tội phạm học thừa nhận, tiếp thu và phải dựa trên những quy định của Luật hình sự để tiến hành những nghiên cứu của mình. Và ở đây là nghiên cứu về hành vi phạm tội mà theo đó, tội phạm chính là hạt nhân nhận thức của hành vi phạm tội. Điều này có nghĩa rằng, trong cấu trúc của hành vi phạm tội thì tội phạm là cái biểu hiện ra bên ngoài, cái mà con người có thể nhận thức được bằng các giác quan và do khoa học luật hình sự nghiên cứu, Luật hình sự quy định và xử lý. Còn các yếu tố tâm-sinh lý bên trong chủ thể hành vi cũng như các yếu tố của môi trường sống bên ngoài và sự tác động (tương tác) lẫn nhau giữa các yếu tố đó để dẫn tới tội phạm (hành động hoặc không hành động) thì cũng thuộc cấu trúc của hành vi phạm tội và cũng cần phải được nhận diện và làm rõ. Song nội dung nghiên cứu này chủ yếu thuộc phạm vi của tội phạm học và nó được nghiên cứu thông qua cơ chế hành vi phạm tội. Chính nhờ hướng nghiên cứu cơ chế hành vi phạm tội mà tội phạm học có thể làm rõ được nguyên nhân của tội phạm cũng như của tình hình tội phạm.

quyền hạn của Kiểm sát viên, đảm bảo cho Kiểm sát viên hoạt động tác nghiệp một cách độc lập nhưng đồng thời phải tuân thủ nguyên tắc thủ trưởng và nguyên tắc trực thuộc một chiều của ngành Kiểm sát. Do đó khi nói đến tính độc lập của Kiểm sát viên trong tố tụng hình sự, nhất là trong giai đoạn điều tra, truy tố thì cần phải hiểu là tính độc lập nằm trong các "khuôn" pháp lý mà nếu vượt ra khỏi các "khuôn" đó thì trở thành sự lạm quyền. Kết quả là những gì được thu thập ngoài các "khuôn" đó sẽ không có giá trị pháp lý.